

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của quận Cẩm Lệ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2020 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của quận Cẩm Lệ;

Theo đề nghị của UBND quận Cẩm Lệ tại Tờ trình số 194/TTr-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2020, Tờ trình số 208/TTr-UBND ngày 24/7/2020 và Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 526/TTr-STNMT ngày 31 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung các dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2020 quận Cẩm Lệ, cụ thể như sau:

1. Bổ sung vào danh mục giao đất, cho thuê đất

- Dự án: Trạm biến áp 110kV Hòa Xuân và hướng tuyến đường dây nhánh rẽ 110KV.

- Địa điểm: phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ.

- Diện tích quy hoạch hàng lang bảo vệ an toàn đường dây 110kV: 27.150m²; diện tích quy hoạch trạm biến áp 110kV Hòa Xuân: 4.500m².

2. Bổ sung vào danh mục giao đất tái định cư

Bổ sung 132 lô đất tái định cư, mục đích sử dụng đất ở với tổng diện tích khoảng 0,13ha (danh sách đính kèm).

3. Bổ sung vào danh mục chuyển mục đích sử dụng đất

- Dự án: Khu vực Cồn Dầu tại dự án Khu đô thị sinh thái Hòa Xuân.

- Địa điểm: Phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ.

- Diện tích: 2.808m².



Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ có trách nhiệm:

- Công bố công khai dự án được bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai; tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.
- Thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.
- Cập nhật dự án nêu trên vào kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của quận Cẩm Lệ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch UBND quận Cẩm Lệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của thành phố Đà Nẵng./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTTU, TT HĐND thành phố (B/c);
- Lưu: VT, ĐTĐT, STNMT.

8



Huỳnh Đức Thơ

**DANH SÁCH 132 LÔ ĐẤT BỔ SUNG VÀO DANH MỤC GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 CỦA QUẬN CẨM LỆ**
(Kèm theo Quyết định số 4175/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2020 của UBND thành phố)

STT	Lô đất	Phân khu	Loại đường(m)	Ghi chú
I. DỰ ÁN KHU E2 MỞ RỘNG - KHU DÂN CƯ NAM CẦU CẨM LỆ (105 lô)				
1	459	B2-16	7,5	GĐ1 - PK1
2	460	B2-16	7,5	GĐ1 - PK1
3	461	B2-16	7,5	GĐ1 - PK1
4	462	B2-16	7,5	GĐ1 - PK1
5	679	B2-11	10,5	GĐ1 - PK1
6	889	B2-32	7,5	GĐ1 - PK1
7	964	B2-31	7,5	GĐ1 - PK1
8	965	B2-31	7,5	GĐ1 - PK1
9	966	B2-31	7,5	GĐ1 - PK1
10	967	B2-31	7,5	GĐ1 - PK1
11	968	B2-31	7,5	GĐ1 - PK1
12	969	B2-31	7,5	GĐ1 - PK1
13	970	B2-31	7,5	GĐ1 - PK1
14	286	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
15	287	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
16	288	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
17	289	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
18	290	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
19	291	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
20	292	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
21	293	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
22	294	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
23	295	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
24	296	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
25	297	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
26	298	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
27	299	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
28	300	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
29	301	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
30	302	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
31	303	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
32	304	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
33	305	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
34	306	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
35	307	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
36	308	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2

2

37	309	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
38	310	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
39	311	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
40	312	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
41	313	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
42	314	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
43	315	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
44	316	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
45	317	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
46	318	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
47	319	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
48	320	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
49	321	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
50	322	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
51	323	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
52	325	B2-38	10,5	GĐ1 - PK2
53	326	B2-38	10,5	GĐ1 - PK2
54	329	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
55	330	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
56	331	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
57	332	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
58	333	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
59	334	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
60	335	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
61	336	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
62	337	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
63	338	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
64	339	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
65	340	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
66	341	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
67	342	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
68	343	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
69	344	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
70	345	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
71	346	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
72	347	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
73	348	B2-37	10,5	GĐ1 - PK2
74	350	B2-37	7,5	GĐ1 - PK2
75	351	B2-37	7,5	GĐ1 - PK2
76	371	B2-35	7,5	GĐ1 - PK2
77	372	B2-35	7,5	GĐ1 - PK2
78	373	B2-35	7,5	GĐ1 - PK2
79	374	B2-35	7,5	GĐ1 - PK2
80	375	B2-35	7,5	GĐ1 - PK2
81	376	B2-35	7,5	GĐ1 - PK2

82	379	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
83	380	B2-38	7,5	GĐ1 - PK2
84	263	B2-3	7,5	GĐ2 - PK2
85	264	B2-3	7,5	GĐ2 - PK2
86	265	B2-3	7,5	GĐ2 - PK2
87	266	B2-3	7,5	GĐ2 - PK2
88	267	B2-3	7,5	GĐ2 - PK2
89	268	B2-3	7,5	GĐ2 - PK2
90	269	B2-3	7,5	GĐ2 - PK2
91	270	B2-3	7,5	GĐ2 - PK2
92	271	B2-3	7,5	GĐ2 - PK2
93	272	B2-3	7,5	GĐ2 - PK2
94	496	B2-6	10,5	GĐ2 - PK2
95	506	B2-43	10,5	GĐ2 - PK2
96	712	B2-34	7,5	GĐ2 - PK2
97	1233	B2-39	7,5	GĐ2 - PK2
98	1234	B2-39	7,5	GĐ2 - PK2
99	1235	B2-39	7,5	GĐ2 - PK2
100	1236	B2-39	7,5	GĐ2 - PK2
101	41	B2-1	7,5	GĐ2 - PK2ĐC
102	42	B2-1	7,5	GĐ2 - PK2ĐC
103	43	B2-1	7,5	GĐ2 - PK2ĐC
104	44	B2-1	7,5	GĐ2 - PK2ĐC
105	45	B2-1	7,5	GĐ2 - PK2ĐC

II. DỰ ÁN KHU C - KHU DÂN CƯ NAM CẦU CẨM LỆ (01 lô)

106	24	B2-2	7,5	
-----	----	------	-----	--

III. DỰ ÁN KHU E2 - KHU DÂN CƯ NAM CẦU CẨM LỆ (01 lô)

107	10	B2-1	5,5	
-----	----	------	-----	--

IV. DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HÒA PHÁT 5 (10 lô)

108	20	LK7	7,5	
109	21	LK7	7,5	
110	22	LK7	7,5	
111	32	LK8	7,5	
112	34	LK8	7,5	
113	35	LK8	7,5	
114	36	LK8	7,5	
115	38	LK8	7,5	
116	39	LK8	7,5	
117	40	LK8	7,5	

V/ DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HÒA PHÁT 4 (15 lô)

118	41	C6	7,5	
-----	----	----	-----	--

(Handwritten signature)

119	42	C6	7,5	
120	43	C6	7,5	
121	44	C6	7,5	
122	48	C6	7,5	
123	53	C6	7,5	
124	56	C6	7,5	
125	16	C15	7,5	
126	23	C15	7,5	
127	25	C15	7,5	
128	26	C15	7,5	
129	27	C15	7,5	
130	28	C15	7,5	
131	29	C15	7,5	
132	30	C15	7,5	

✓

hoanl-06/11/2020 11:49:34-hoanl-hoanl-hoanl